

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST

Ngày: 27 - 8 - 2019

*"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và xử lý tài sản thế chấp"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Yến

2. Ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm công khai để xét xử vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2018/TLST-KDTM ngày 05/10/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:1055/2019/QĐ-ST ngày 11/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B

Địa chỉ: Phố H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng giám đốc Ngân hàng B

Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ngân hàng B - Chi nhánh Q; địa chỉ: đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Do ông Lê Gia H, Giám đốc Chi nhánh là người đại diện theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng B về việc ủy quyền tham gia tố tụng; ông H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Phúc M - Trưởng phòng quản lý rủi ro - Ngân hàng B - Chi nhánh Q

- Bị đơn: Công ty H .

Địa chỉ: tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lương C - Giám đốc đã có Giấy ủy quyền toàn bộ cho ông Nguyễn Thanh H - Phó Giám đốc Công ty tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1948 và bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1951

Địa chỉ: đường L, phường Đ, thành phố Đ, đều vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị Kim Nh, sinh năm 1978 (vợ anh Đ)

Địa chỉ: thôn B, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, chị Nh vắng mặt; Anh Đ hiện nay đang làm ăn ở Nước CHDCND Lào, không có địa chỉ cụ thể, Tòa án đã thông báo trên kênh phát thanh đối ngoại VOV5 Đài Tiếng nói Việt Nam nhưng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và ý kiến tại bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng B - Chi nhánh Q và Công ty H đã ký kết một số hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2010/HĐ ngày 07/5/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 02/2012/HĐ ngày 28/6/2012 kèm theo các hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2012/HĐ ngày 03/7/2012, hợp đồng số 13/2012/HĐ ngày 05/7 /2012, hợp đồng số 14/2012/HĐ ngày 24 /8/2012, hợp đồng số 15/2012/HĐ ngày 28/8/2012, hợp đồng số 16/2012/HĐ ngày 22/11/2012, hợp đồng số 17/2012/HĐ ngày 23/11/2012, hợp đồng số 18/2012/HĐ ngày 03/12/2012.

Theo đó Ngân hàng B cho Công ty H vay với tổng số tiền là: 4.274.000.000 đồng, mục đích vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, trung dài hạn vay đầu tư xây dựng quán cà phê A; thời hạn vay ngắn hạn từ 8-11 tháng (tùy theo từng hợp đồng cụ thể), trung dài hạn 84 tháng; Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Công ty H đã trả được 2.100.943.950 đồng còn lại 2.173.056.050 đồng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2019 là: 2.393.039.654 đồng (bao gồm lãi suất trong hạn 1.971.468.701 đồng, lãi suất quá hạn 421.570.953 đồng). Toàn bộ khoản nợ của Công ty H hiện là nợ xấu, là đối tượng theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu đối với các tổ chức tín dụng.

Để đảm bảo cho các khoản nợ trên Công ty H có thể chấp tài sản của Công ty là: xe ô tô tải có gắn cầu hiệu ISUZU, BKS 73L-1617 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐ ngày 23/11/2010); xe ô tô tải hiệu KIA, BKS 73L-6656 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 19/01/2009); xe ô tô đầu kéo hiệu Huynh dai, BKS 73C-00363 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 14/3/2012);

Tài sản bảo đảm của bên thứ ba gồm: tài sản của anh Nguyễn Thành Đ và chị Nguyễn Thị Kim Nh là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP037039 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 13/4/2009, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 31 tại xã L (Hợp đồng thế chấp QSD đất của bên thứ ba số 01/2009/HĐ ngày 16/4/2009); tài sản của ông Lê Văn C và bà Phạm Thị Tr là

quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R373695 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/02/2001, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 48 tại phường Đ (Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2012/HĐ ngày 28/6/2012)

Các Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Đến thời hạn trả nợ, nhưng Công ty H không thực hiện các cam kết trong hợp đồng tín dụng, Ngân hàng B đã nhiều lần thông báo đôn đốc Công ty H trả nợ nhưng Công ty H không thực hiện nghĩa vụ, nay Ngân hàng B đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty H trả nợ số tiền gốc là 2.173.056.050 đồng và tiền lãi.

Trường hợp Công ty H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì Ngân hàng B đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp nói trên để thanh toán nghĩa vụ của Công ty H đối với Ngân hàng B.

Tại các bản tự khai và hòa giải đại diện bị đơn trình bày:

Vào năm 2010 và năm 2012 Công ty H có ký kết các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B - Chi nhánh Q với tổng số tiền gốc và lãi như phía nguyên đơn trình bày. Nhưng vì điều kiện hiện nay Công ty đang gặp khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng B. Nay Ngân hàng khởi kiện, Công ty H thống nhất khoản nợ gồm gốc và lãi tính đến thời điểm hiện nay. Để đảm bảo khoản nợ trên Công ty H thế chấp 03 chiếc xe ô tô và quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lê Văn C, bà Phạm Thị Tr và của hộ gia đình anh Nguyễn Thành Đ, chị Nguyễn Thị Kim Nh. Nếu Công ty không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại những tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn C và bà Phạm Thị Tr trình bày: Năm 2012 Công ty H có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B - Chi nhánh Q vay vốn sản xuất kinh doanh, để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng ông bà có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R373695 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/02/2001 thửa đất số 23, tờ bản đồ 48 tại phường Đ. Số tiền chúng tôi bảo đảm bằng tài sản thế chấp là khoảng 700.000.000 đồng. Tuy nhiên do hiện nay Công ty H gặp khó khăn nên chưa thanh toán được khoản nợ trên, đề nghị Ngân hàng và Tòa án xem xét để Công ty H có thời gian kinh doanh và thu hồi vốn để trả các khoản nợ trên, trong trường hợp Công ty không thanh toán nợ, tài sản thế chấp của vợ chồng ông bà mong Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Thành Đ đi làm ăn ở nước Lào nên không có mặt tại Tòa án để trình bày; chị Nguyễn Thị Kim Nh (vợ anh Đ) trình bày: Năm 2012 Công ty H có ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B- Chi nhánh Q vay vốn sản xuất kinh doanh, để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng anh chị có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP037039, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02402 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 13/4/2009 thửa đất số 193, tờ bản đồ 31 tại xã L. Nhưng hiện nay Công ty H gặp khó khăn nên chưa thanh toán được khoản nợ theo hợp đồng, đề nghị Ngân hàng và Tòa án xem xét để Công ty H có thời gian kinh doanh và thu hồi vốn để trả các khoản nợ trên, trong

trường hợp Công ty không thanh toán nợ đúng cam kết thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản thế chấp của vợ chồng anh chị đã thế chấp cho Công ty H.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của Ngân hàng vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Công ty H phải thanh toán số nợ gốc 2.173.056.050 đồng và nợ lãi phát sinh đến ngày 27/8/2019: 2.393.039.654 đồng (nợ lãi trong hạn là 1.971.468.701 đồng, nợ lãi quá hạn là 421.570.953 đồng). Trường hợp Công ty H không trả được nợ thì yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp tại các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng với Công ty H, vợ chồng ông Lê Văn C và vợ chồng anh Nguyễn Thành Đ; Đại diện Công ty H thống nhất số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử như nguyên đơn yêu cầu. Đồng thời hai bên thỏa thuận về phương thức trả nợ các đợt, cụ thể:

- Đợt 1: Từ ngày 27/8/2019 đến ngày 30/11/2019, Công ty H trả nợ gốc 1.100.000.000 đồng;

- Đợt 2: Từ ngày 01/12/2019 đến ngày 31/12/2019, Công ty H trả hết số nợ gốc còn lại 1.073.056.050 đồng;

- Về việc trả lãi ngay sau khi thanh toán hết số nợ gốc, Công ty H có đơn đề nghị miễn giảm lãi cho Ngân hàng B, trong thời hạn 01 tháng sau khi nhận được thông báo miễn giảm lãi của Ngân hàng B, Công ty H có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi còn lại, nếu không thực hiện thì Ngân hàng B sẽ yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng và ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng B với Công ty H, Công ty H phải trả cho Ngân hàng B số nợ gốc 2.173.056.050 đồng và tiền lãi phát sinh: 2.393.039.654 đồng (nợ lãi trong hạn là 1.971.468.701 đồng, nợ lãi quá hạn là 421.570.953 đồng) theo các đợt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng B về việc yêu cầu Công ty H trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng, nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng; tại Công văn số 11110/A08-P5, ngày 29/8/2018 của Cục quản lý xuất nhập cảnh-Bộ Công an thì anh Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 05/4/1975 đã được cấp hộ chiếu và sử dụng để xuất nhập cảnh 170 lần, xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 14/5/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị Nguyễn Thị

Kim Nh cung cấp địa chỉ của anh Nguyễn Thành Đ hiện đang làm ăn ở Nước Lào nhưng không biết cụ thể và hiện nay vẫn chưa về nước. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, nhưng phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành Đ và chị Nguyễn Thị Kim Nh không có mặt, anh Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài nên việc tổng đạt không có kết quả. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của vợ chồng anh Đ và trụ sở UBND xã L, đồng thời đã thông báo cho anh Đ biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án trên Hệ thống phát thanh đối ngoại quốc gia - Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) trong 03 số liên tiếp nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ anh Đ.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 08/7/2019 nhưng do anh Đ, chị Nh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên đã hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự đến phiên tòa ngày 31/7/2019 tại nơi cư trú của anh Đ và UBND xã L, nhưng sau đó hoãn phiên tòa lần thứ hai với lý do đại diện bị đơn có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Tòa án mở phiên tòa lần thứ ba nhưng anh Đ và chị Nh vẫn vắng mặt không có lý do, ông Lê Văn C và bà Phạm Thị Tr vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị Nh, ông C, bà Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng B c- Chi nhánh Q và Công ty H đã ký kết các Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2010/HĐ ngày 07/5/2010; Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 02/2012/HĐ ngày 28/6/2012 kèm theo các hợp đồng tín dụng cụ thể số 12/2012/HĐ ngày 03/7/2012, hợp đồng số 13/2012/HĐ ngày 05/7/2012, hợp đồng số 14/2012/HĐ ngày 24/8/2012, hợp đồng số 15/2012/HĐ ngày 28/8/2012, hợp đồng số 16/2012/HĐ ngày 22/11/2012, hợp đồng số 17/2012/HĐ ngày 23/11/2012, hợp đồng số 18/2012/HĐ ngày 03/12/2012. Theo đó Ngân hàng B cho Công ty H vay với tổng số tiền là: 4.274.000.000 đồng, mục đích vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, vay trung dài hạn để đầu tư xây dựng quán cà phê A; thời hạn vay ngắn hạn từ 8-11 tháng (tùy theo từng hợp đồng cụ thể), trung dài hạn là 84 tháng.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Công ty H đã trả được 2.100.943.950 đồng tiền nợ gốc, còn lại 2.173.056.050 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 27/8/2019 là: 2.393.039.654 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 1.971.468.701 đồng, nợ lãi quá hạn là 421.570.953 đồng).

[3] Để đảm bảo cho các khoản nợ trên Công ty H có thể chấp tài sản của Công ty H là: xe ô tô tải có gắn cầu hiệu ISUZU, Biển kiểm soát 73L-1617 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐ ngày 23/11/2010); xe ô tô tải hiệu KIA, Biển kiểm soát 73L-6656 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 19/01/2009); xe ô tô đầu kéo hiệu Huynh dai, Biển kiểm soát 73C-00363 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 14/3/2012);

Tài sản bảo đảm của bên thứ ba gồm: tài sản của anh Nguyễn Thành Đ và chị Nguyễn Thị Kim Nh là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP037039 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 13/4/2009, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 31 tại xã L (Hợp đồng thế chấp QSD đất của bên thứ ba số 01/2009/HĐ ngày 16/4/2009 được công chứng); tài sản của ông Lê Văn C và bà Phạm Thị Tr là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R373695 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/02/2001, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 48 tại phường Đ diện tích còn lại 158,4 m² (Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2012/HĐ ngày 28/6/2012 được công chứng), theo đó bên thế chấp tài sản anh Nguyễn Thành Đ và chị Nguyễn Thị Kim Nh, ông Lê Văn C và bà Phạm Thị Tr đồng ý bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh bao gồm: Nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, khoản bồi thường thiệt hại (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh.

Các Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký QSD đất thành phố Đồng Hới theo quy định.

[4] Như vậy việc các bên ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật. Ngay sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H qua các hợp đồng với số tiền tổng cộng là 4.274.000.000 đồng. Quá trình thực hiện các hợp đồng, Công ty H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho các hợp đồng là 2.100.943.950 đồng, còn lại nợ gốc cho các hợp đồng là 2.173.056.050 đồng (trong đó hợp đồng số 01/2010/HĐ: 1.100.000.000 đồng, hợp đồng số 14/2012/HĐ: 96.056.050 đồng, hợp đồng số 15/2012/HĐ: 227.000.000 đồng, hợp đồng số 16/2012/HĐ: 425.000.000 đồng, hợp đồng số 17/2012/HĐ: 240.000.000 đồng, hợp đồng số 18/2012/HĐ: 85.000.000 đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/8/2019 là: 2.393.039.654 đồng (trong đó tiền lãi của hợp đồng số 01/2010/HĐ bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 1.254.934.305 đồng, lãi của hợp đồng số 12/2012/HĐ bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn 102.531.573 đồng, lãi của hợp đồng số 13/2012/HĐ bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 49.809.845 đồng, lãi của hợp đồng số 14/2012/HĐ bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 264.349.197 đồng, lãi của hợp đồng số 15/2012/HĐ bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 166.386.644 đồng, lãi của hợp đồng số 16/2012/HĐ bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn 314.743.490 đồng, lãi của hợp đồng số 17/2012/HĐ bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn là 177.514.166 đồng, lãi của hợp đồng số 18/2012/HĐ bao gồm lãi trong hạn và quá hạn là 62.770.434 đồng). Số tiền nợ lãi bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn được Ngân hàng tính theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, phía bị đơn không có ý kiến gì. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải trả nợ gốc và lãi đồng thời đề nghị xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn (Công ty H) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đề thu hồi nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về phương thức trả nợ Ngân hàng B và Công ty H trả nợ thỏa thuận, Công ty H trả nợ cho Ngân hàng B: - Đợt 1: Từ ngày 27/8/2019 đến ngày 30/11/2019, Công ty H trả nợ gốc 1.100.000.000 đồng; - Đợt 2: Từ ngày 01/12/2019 đến ngày 31/12/2019, Công ty H trả hết số nợ gốc còn lại 1.073.056.050 đồng; - Về việc trả lãi ngay sau khi thanh toán hết số nợ gốc, Công ty H có đơn đề nghị miễn giảm lãi cho Ngân hàng B, trong thời hạn 01 tháng sau khi nhận được thông báo miễn giảm lãi của Ngân hàng B, Công ty H có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi còn lại, nếu không thực hiện thì Ngân hàng B sẽ yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp theo quy định.

Xét việc thỏa thuận trên của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Ngày 27/6/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thành lập hội đồng tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản của vợ chồng ông Lê Văn C, bà Phạm Thị Tr đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo lãnh cho Công ty H (thửa đất số 23, tờ bản đồ 48, diện tích 158,4 m², đã được UBND tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất 00318QSDĐ/13QĐ/UB ngày 13/02/2001), khi thế chấp không thế chấp nhà, kết quả thẩm định cho thấy trên thửa đất có 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích xây dựng 89,6 m²/tầng là tài sản chung của ông C bà Tr, hiện trạng thửa đất không có tranh chấp; đối với tài sản của vợ chồng anh Nguyễn Thành Đ, chị Nguyễn Thị Kim Nh đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo lãnh cho Công ty H (thửa đất số 193, tờ bản đồ 31, diện tích 175 m², đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: H02402 ngày 13/4/2009), khi thế chấp không có tài sản trên đất và hiện nay trên đất không xây dựng thêm công trình gì, chỉ có 02 cây cổ thụ (01 cây lọi, 01 cây bồ đề) là tài sản chung của anh Đ và chị Nh, hiện trạng thửa đất không có tranh chấp.

[7] Về án phí: nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng B đã nộp 5.000.000 đồng tạm ứng chi phí, Tòa án đã chi hết số tiền 5.000.000 đồng và chi phí cho việc đăng thông tin trên hệ thống kênh phát thanh của Ban đối ngoại Đài Tiếng nói Việt Nam VOV5 1.500.000 đồng, bị đơn Công ty H phải chịu. Vì vậy Công ty H có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng B số tiền chi phí nói trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 474, 477, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 290, 342, 348, 349, 350, 351, 355, 357, 471, 476, 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật Thương mại; các Điều 166, 167, 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng B về việc yêu cầu Công ty H trả nợ tiền theo các hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp"

Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng B với Công ty H: Công ty H phải trả nợ cho Ngân hàng B số tiền theo các hợp đồng tín dụng là: 4.566.950.704 đồng; Trong đó nợ gốc: 2.173.056.050 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2019 là 2.393.039.654 đồng (bao gồm lãi trong hạn: 1.971.468.701 đồng, lãi quá hạn: 421.570.953 đồng), cụ thể trả nợ theo các đợt như sau: - Đợt 1: Từ ngày 27/8/2019 đến ngày 30/11/2019, Công ty H trả nợ gốc 1.100.000.000 đồng;

- Đợt 2: Từ ngày 01/12/2019 đến ngày 31/12/2019, Công ty H trả hết số nợ gốc còn lại 1.073.056.050 đồng;

- Sau khi thanh toán hết số nợ gốc, Công ty H có đơn đề nghị miễn giảm lãi cho Ngân hàng B, trong thời hạn 01 tháng sau khi nhận được thông báo miễn giảm lãi của Ngân hàng B, Công ty H có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi còn lại, nếu không thực hiện thì Ngân hàng B sẽ yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp theo quy định.

Tài sản của Công ty H là: xe ô tô tải có gắn cầu hiệu ISUZU, Biển kiểm soát 73L-1617 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2010/HĐ ngày 23/11/2010); xe ô tô tải hiệu KIA, Biển kiểm soát 73L-6656 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐ ngày 19/01/2009); xe ô tô đầu kéo hiệu Huynh dai, Biển kiểm soát 73C-00363 (Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 14/3/2012); Tài sản bảo đảm của bên thứ ba gồm: tài sản của anh Nguyễn Thành Đ và chị Nguyễn Thị Kim Nh là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP037039, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H02402 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 13/4/2009, thửa đất số 193, tờ bản đồ số 31 tại xã L (Hợp đồng thế chấp QSD đất của bên thứ ba số 01/2009/HĐ ngày 16/4/2009); tài sản của ông Lê Văn C và bà Phạm Thị Tr là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R373695 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/02/2001, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 48 tại phường Đ diện tích còn lại 158,4 m² (Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2012/HĐ ngày 28/6/2012) là tài sản bảo đảm nghĩa vụ thi hành án cho Công ty H.

2. Trong trường hợp Công ty H không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng B, thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty H phải chịu: 112.566.950 đồng;

Trả lại cho Ngân hàng B số tiền 56.038.246 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000472 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

5. Về chi phí tố tụng: Công ty H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng B số tiền 5.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và 1.500.000 đồng tiền đăng tin thông báo trên kênh phát thanh VOV5.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng B, Công ty H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2019); ông Lê Văn C, bà Phạm Thị Tr và chị Nguyễn Thị Kim Nh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, anh Nguyễn Thành Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- VKSND tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Niêm yết tại trụ sở UBND xã L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn